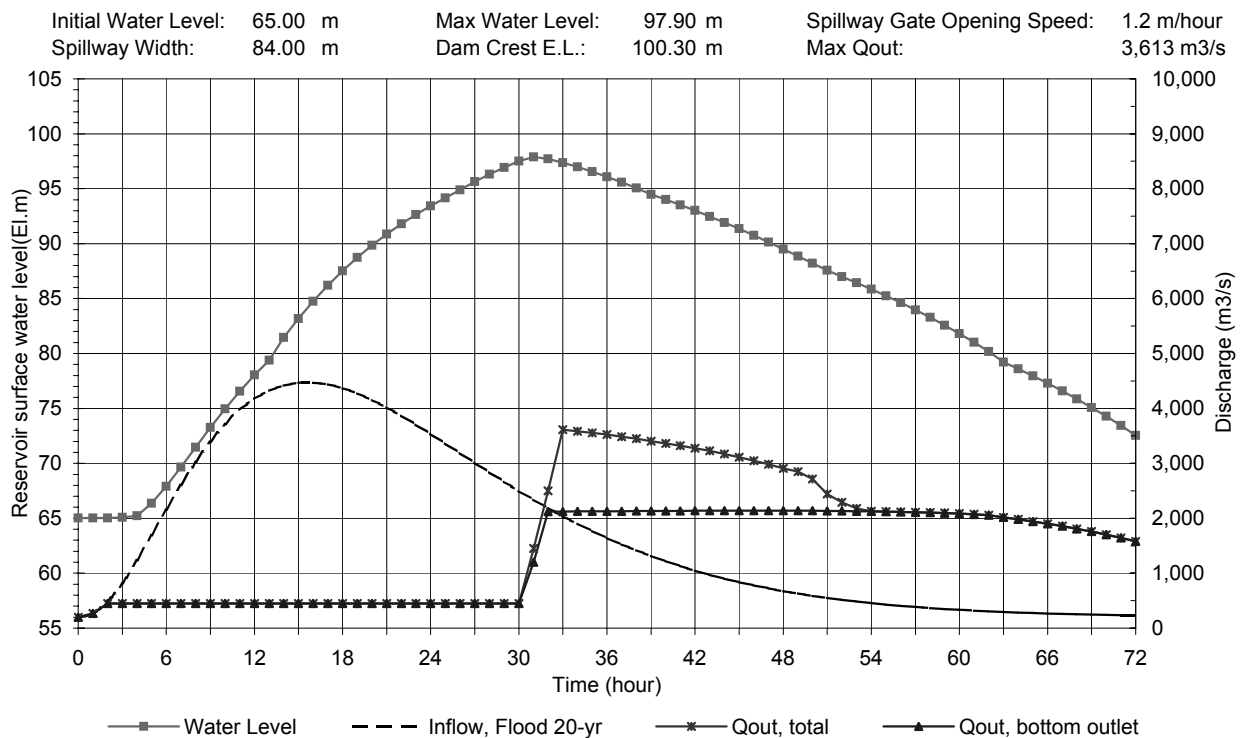
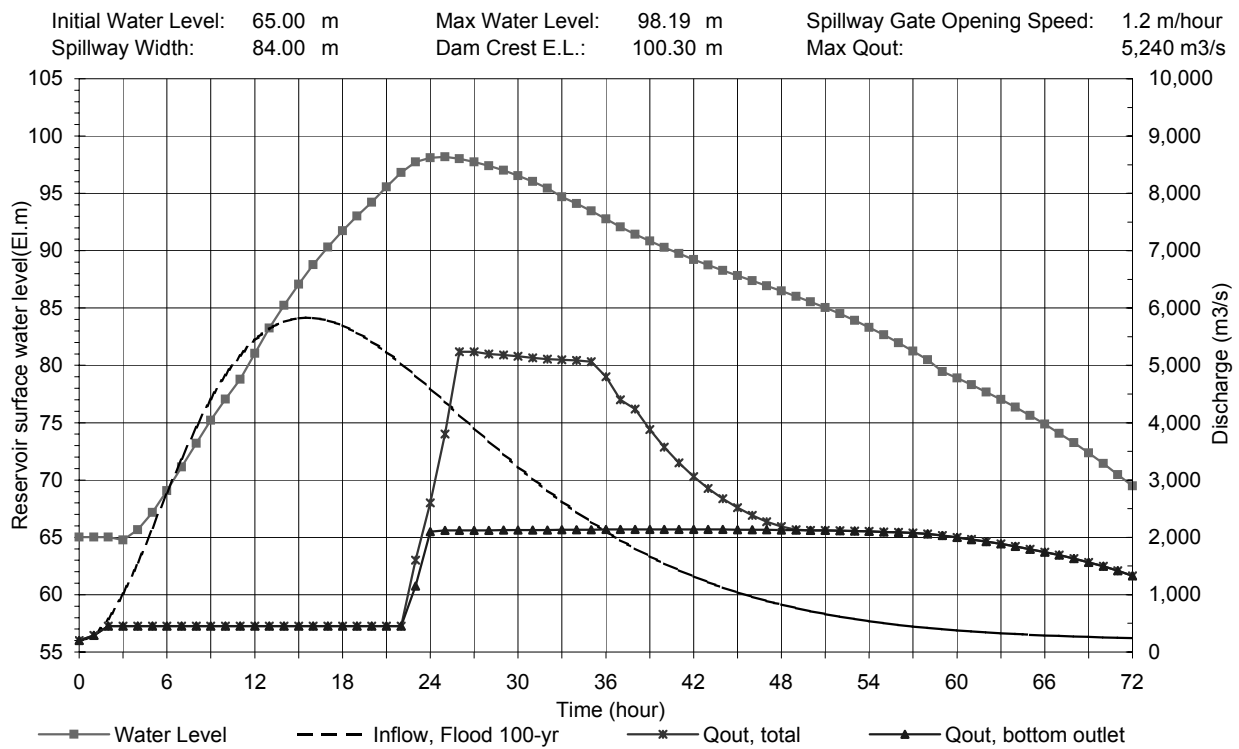


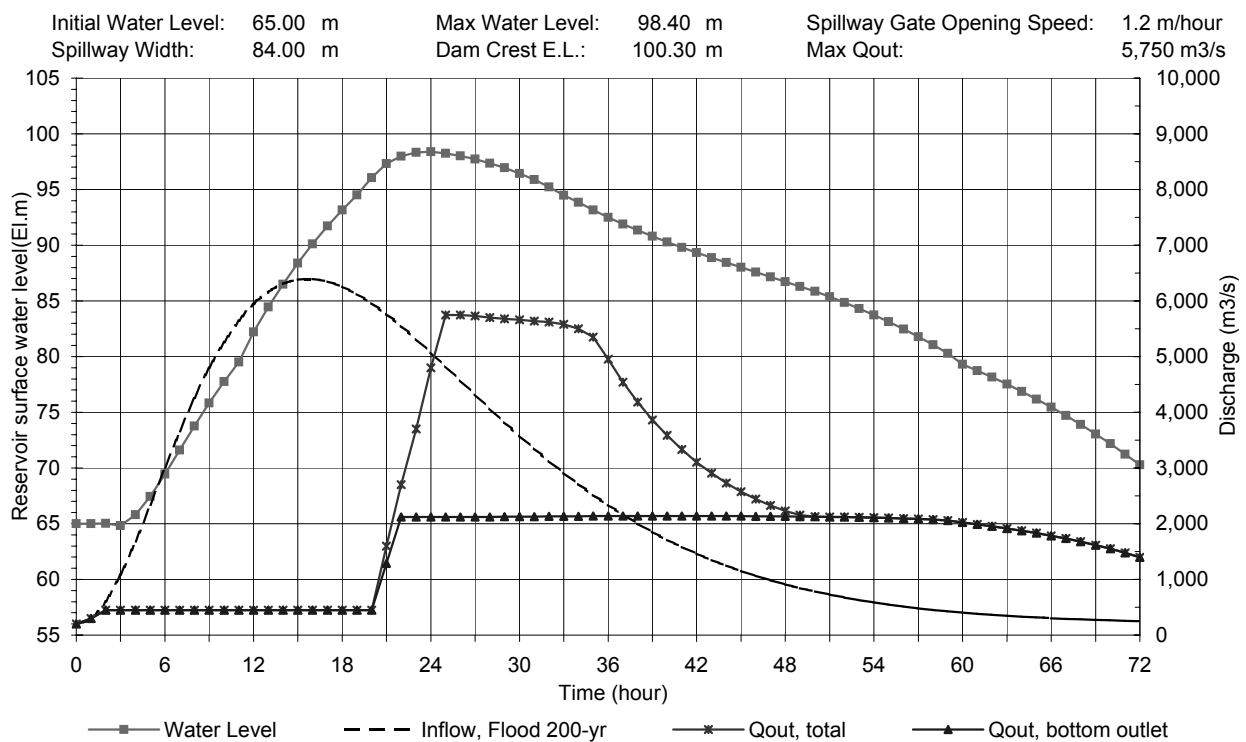
Hình 12.11 (1) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
 (10-yr Probable Flood, $Q_p=3,821\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=65.00m)



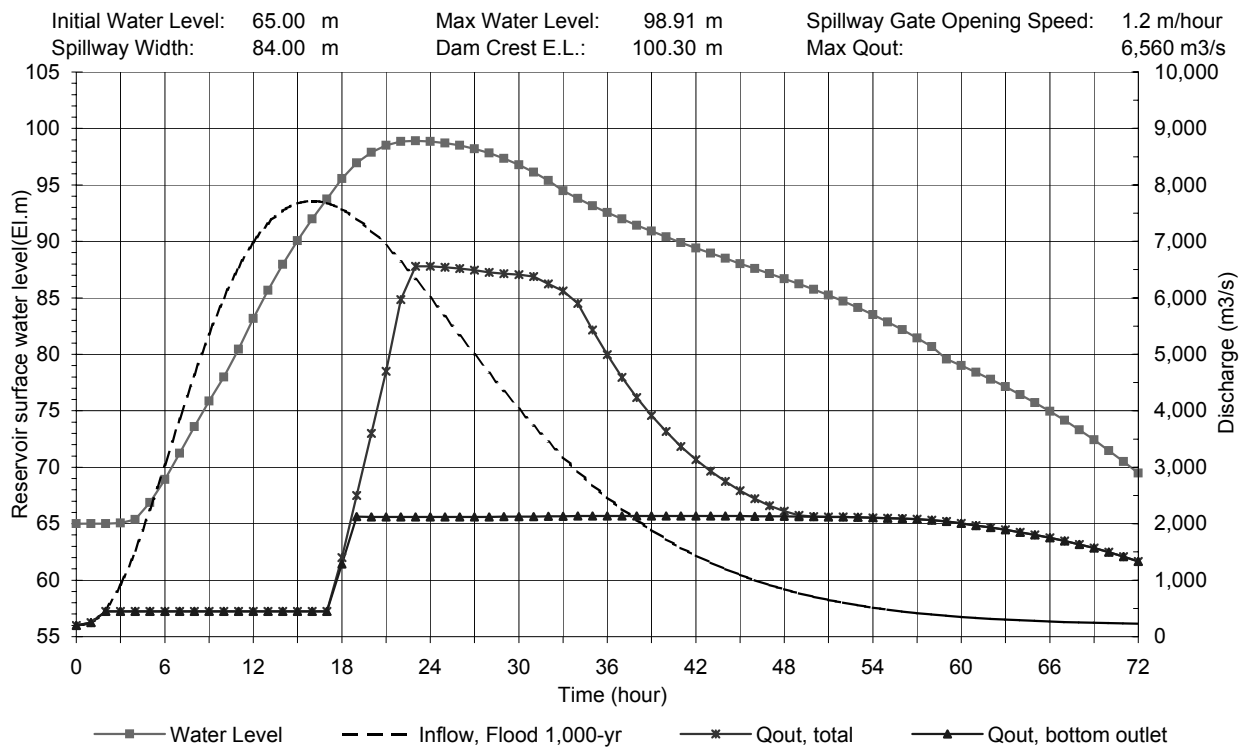
Hình 12.11 (2) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
 (20-yr Probable Flood, $Q_p=4,475\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=65.00m)



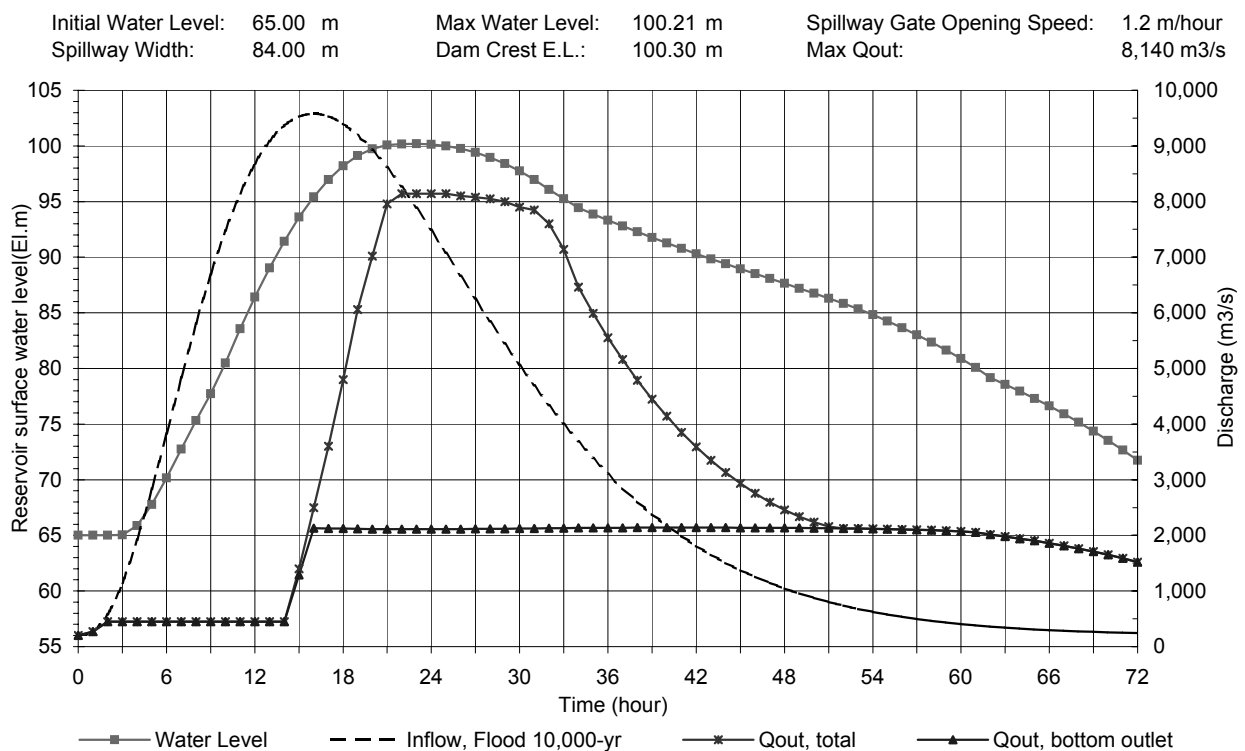
Hình 12.11 (3) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
(100-yr Probable Flood, $Q_p=5,832\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=65.00m)



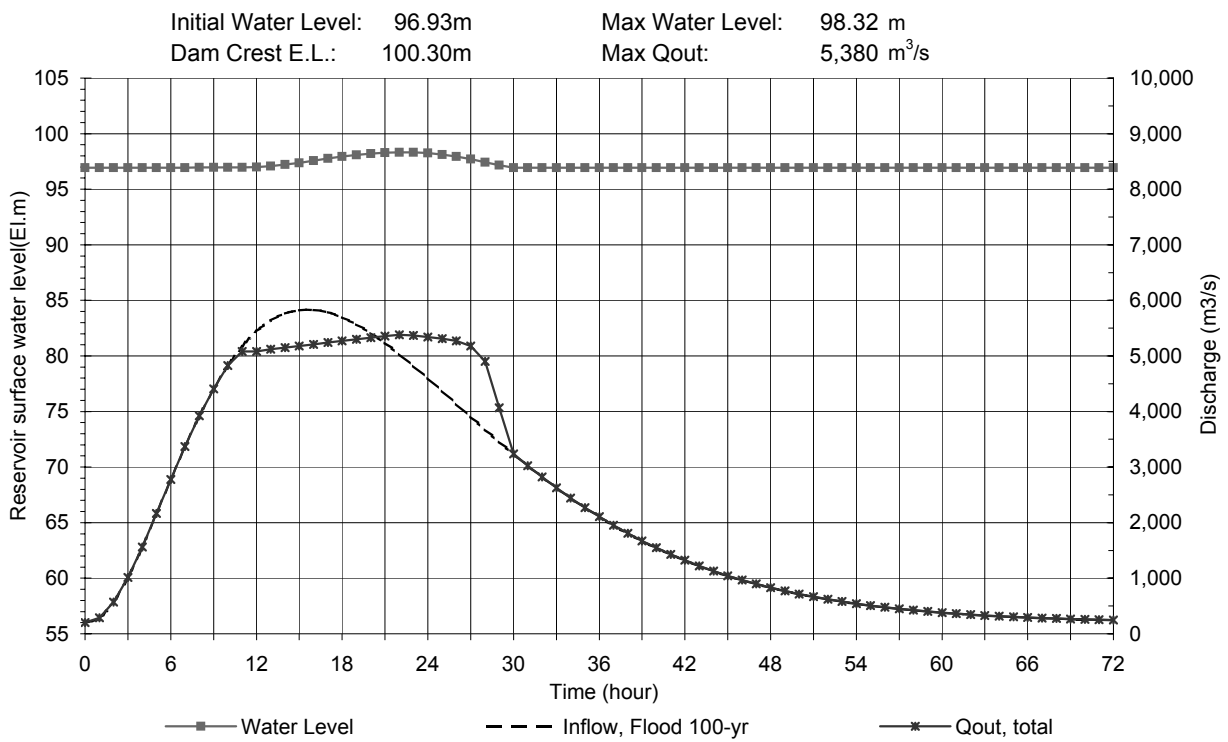
Hình 12.11 (4) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
(200-yr Probable Flood, $Q_p=6,397\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=65.00m)



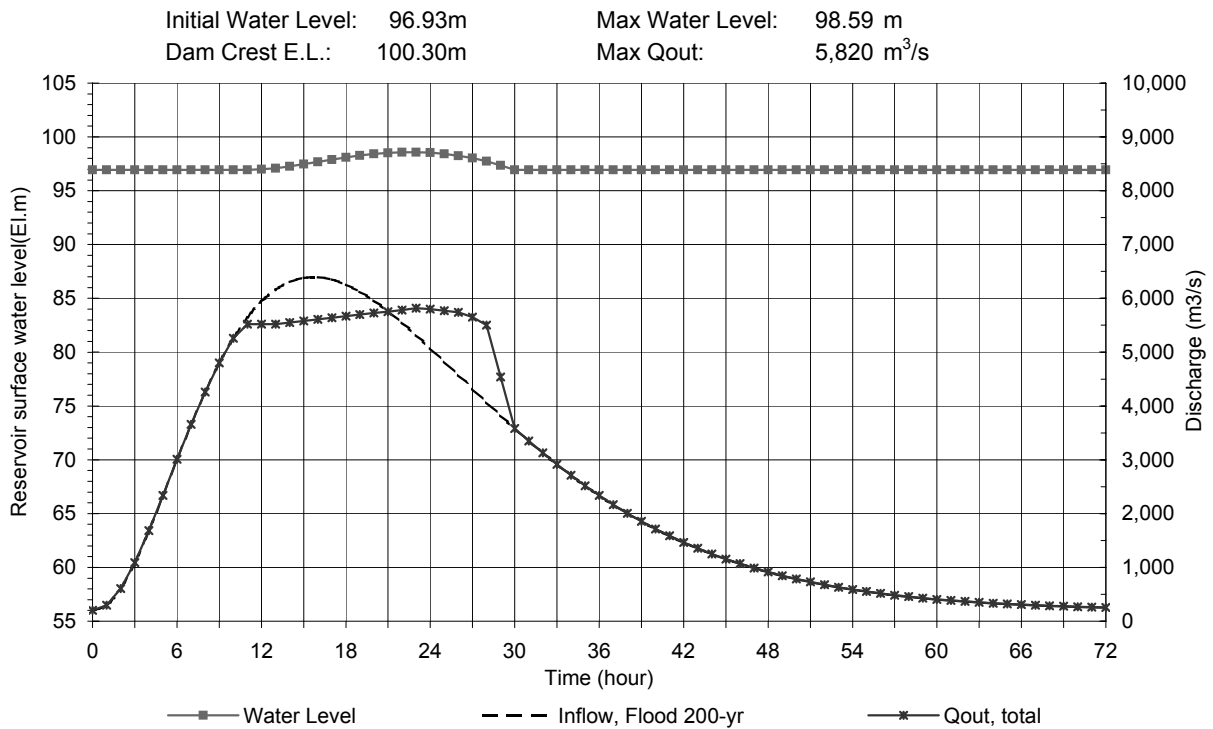
Hình 12.11 (5) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
(1,000-yr Probable Flood, $Q_p=7,718\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=65.00m)



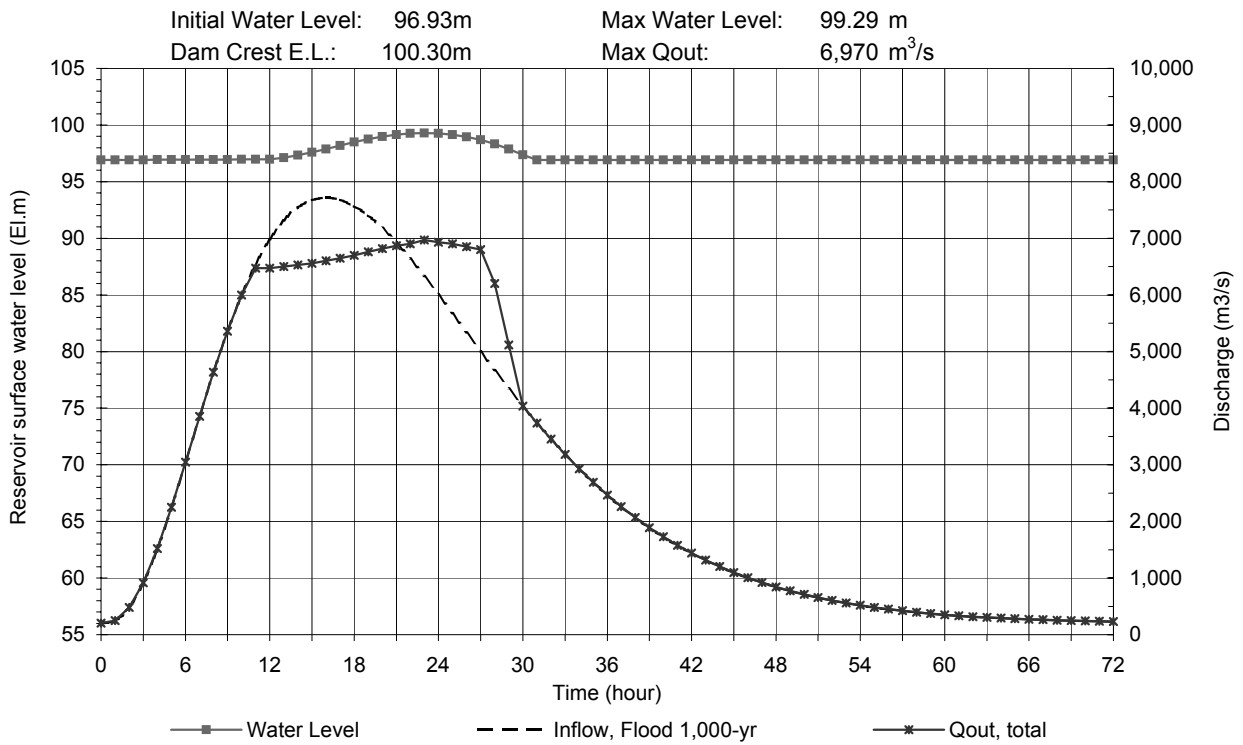
Hình 12.11 (6) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
(10,000-yr Probable Flood, $Q_p=9,578\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=65.00m)



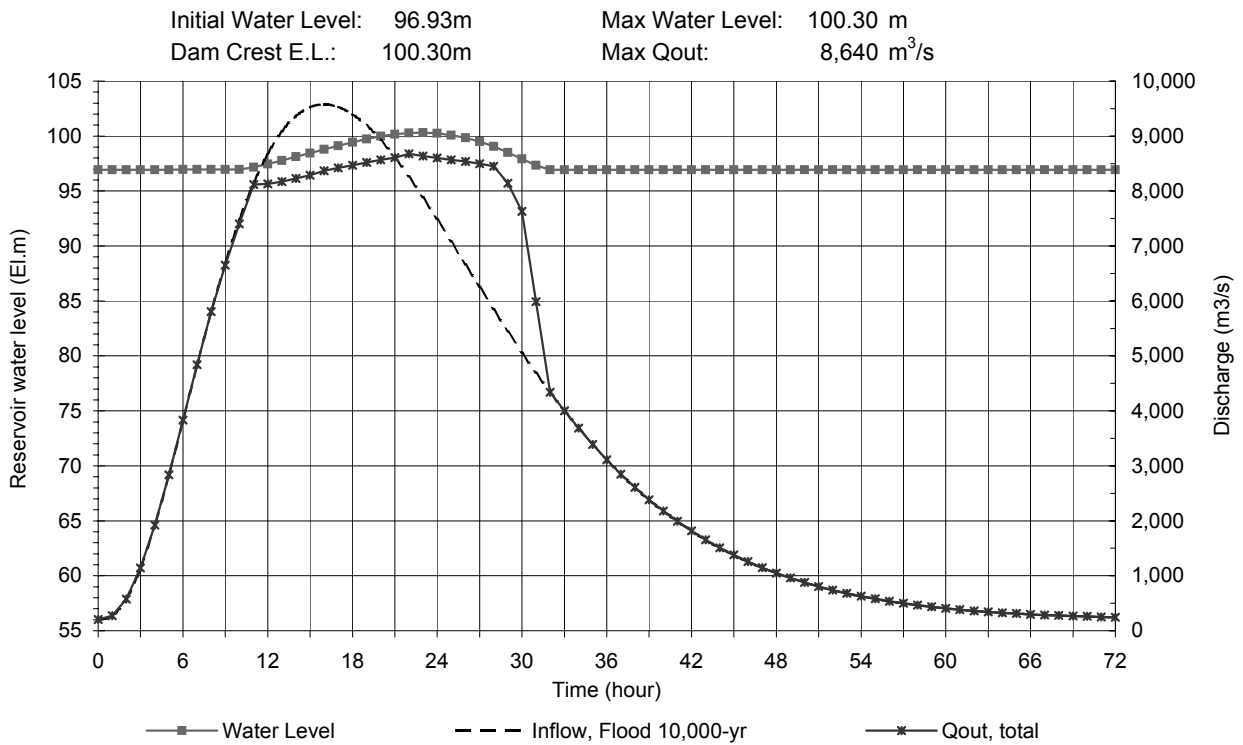
Hình 12.11 (7) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
(100-yr Probable Flood, $Q_p=5,832\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=96.93m)



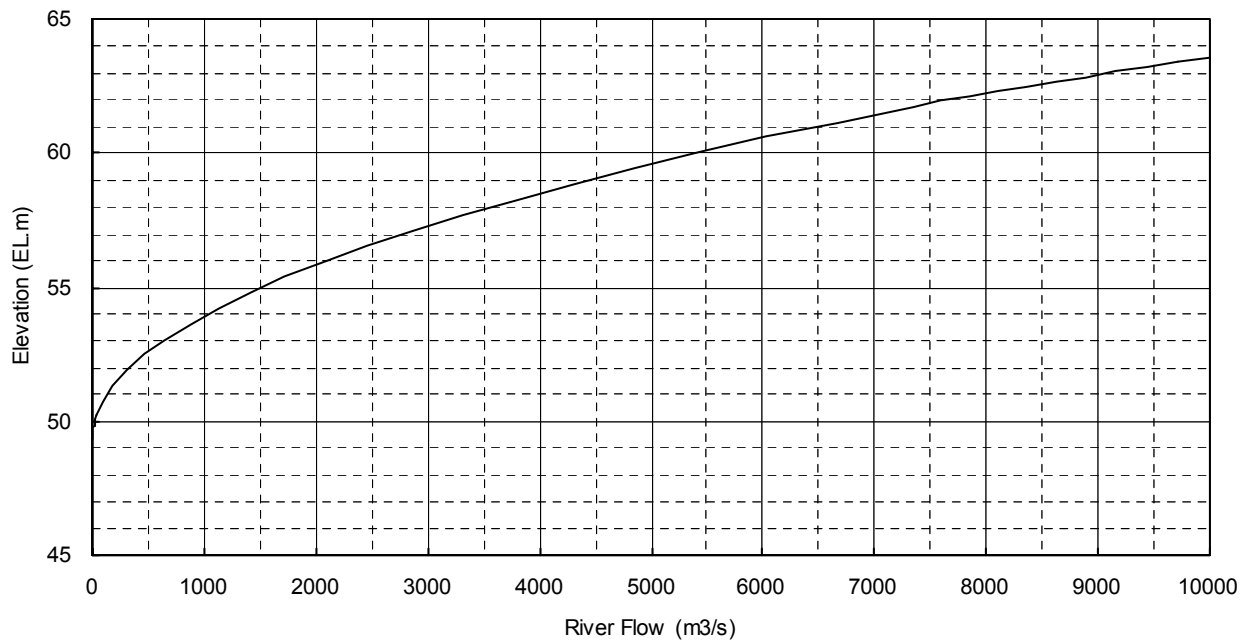
Hình 12.11 (8) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
(200-yr Probable Flood, $Q_p=6,394\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=96.93m)



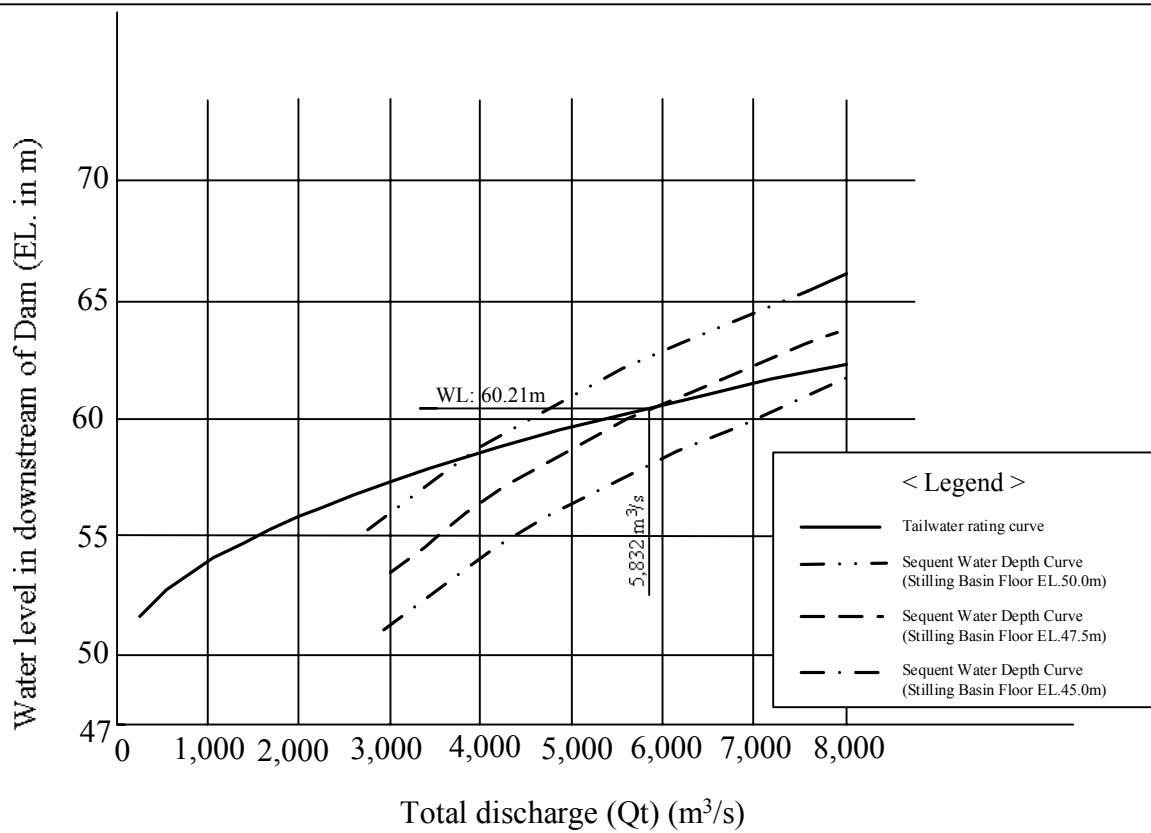
Hình 12.11 (9) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
 (1,000-yr Probable Flood, $Q_p=7,718\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=96.93m)



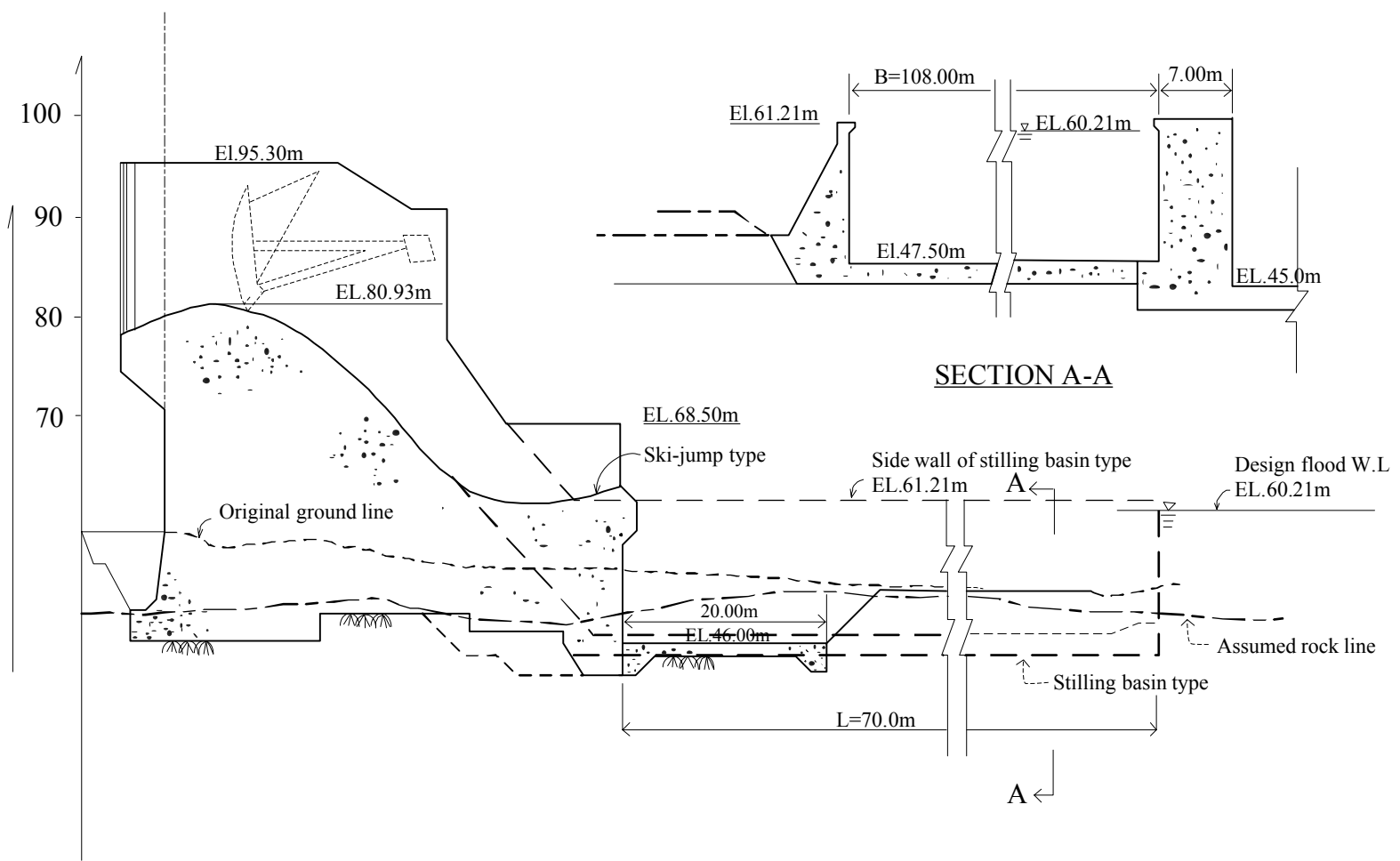
Hình 12.11 (10) Đường diễn toán lũ với cao trình đỉnh đập 100,3m
 (10,000-yr Probable Flood, $Q_p=9,578\text{m}^3/\text{s}$, Initial WL=96.93m)



Hình 12.12 Đường cong xác định mực nước hạ lưu tại vị trí đập Bình Định

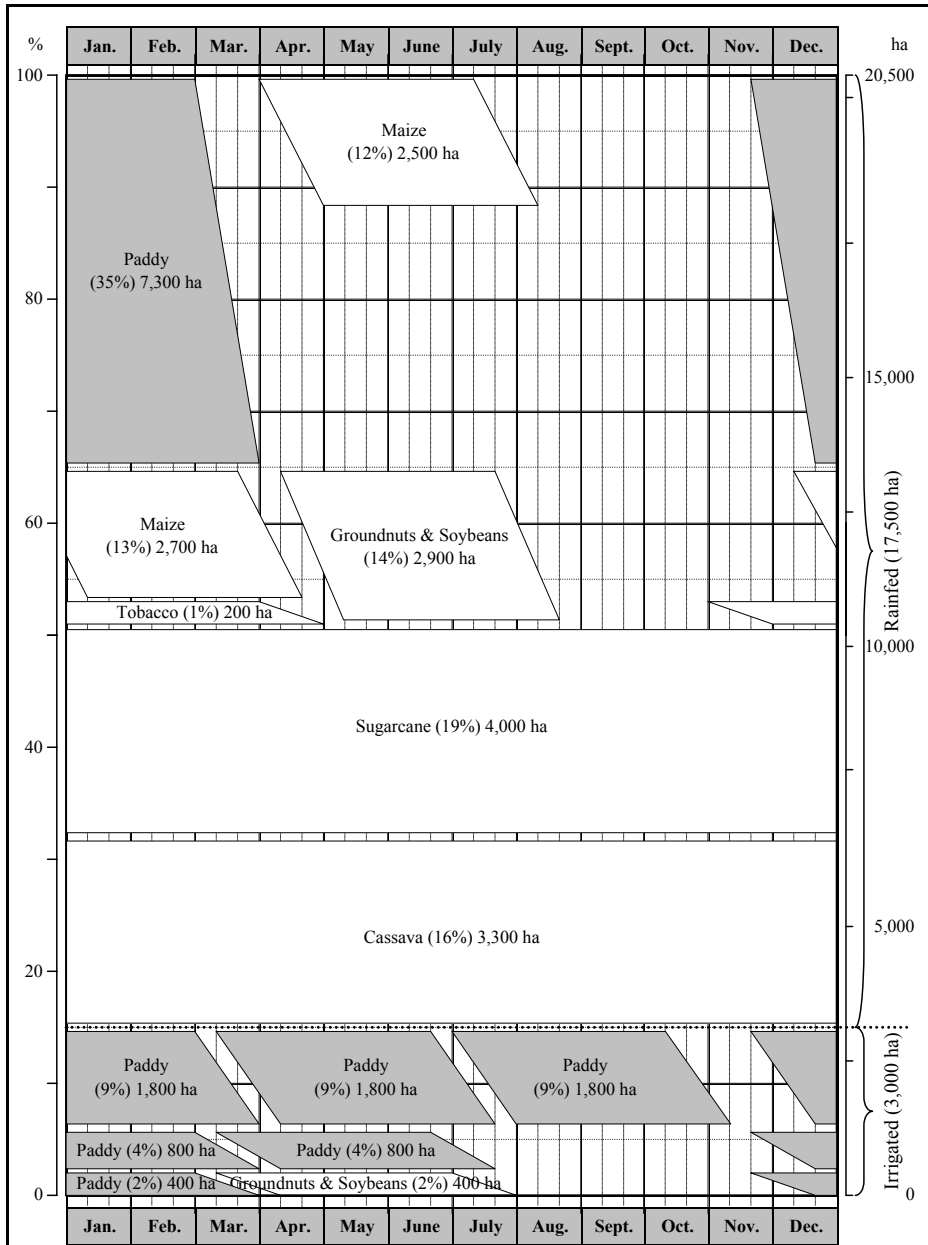


Hình 12.13 Mối quan hệ giữa mức lũ bề tiêu năng, mực nước trình tự và đường cong xác định mực nước hạ lưu

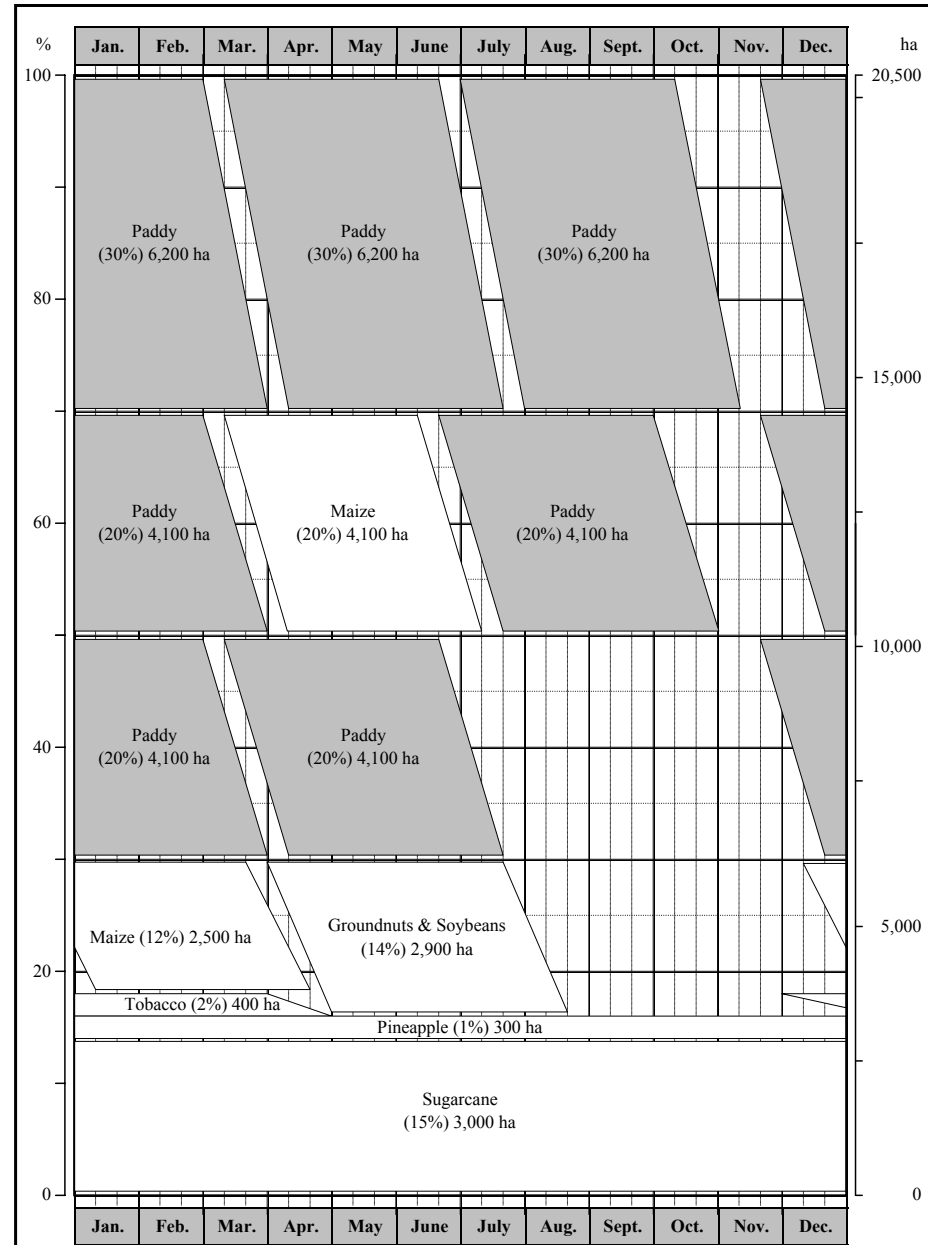


Hình 12.16(1) Tiến độ thực hiện chung dự án hồ chứa đa mục đích Định Bình (tiến độ tăng tốc)

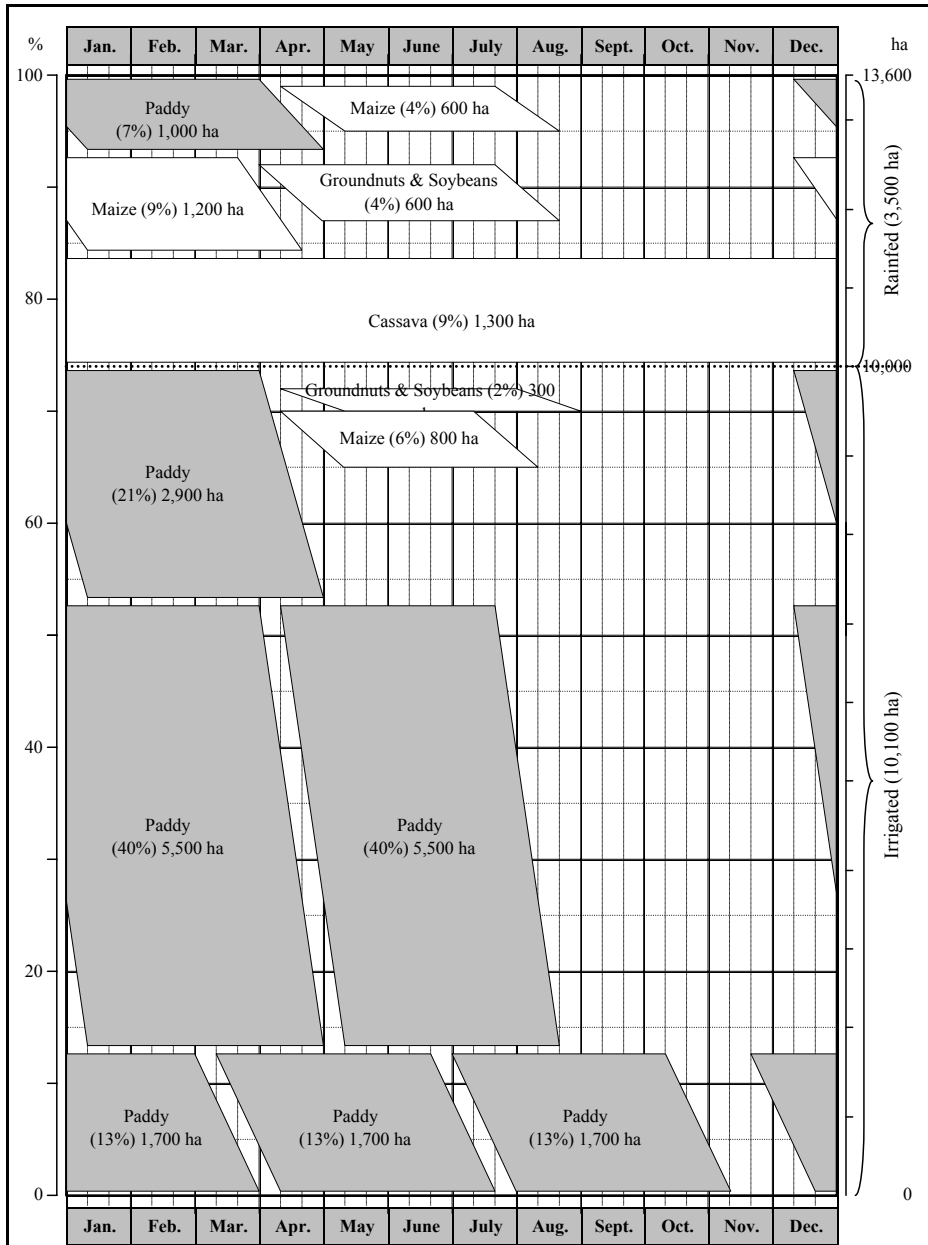
Description	Year												
	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	
1. Study on Nationwide Water Resources Development and Management by JICA	██████████												
1.1 Kone River Basin Master Plan	██	██											
1.2 Kone River Basin Feasibility Study		██	██										
2. Financial Arrangement			██████										
3. Approval of Project and Arrangement by GOV		████████████████████											
4. Procurement of Consultant			██										
5. Engineering Services (Basic Design, Detailed Design and Supervision)													
5.1 Basic Design (60 days)				██									
5.2 Detailed Design (240 days)				██████████									
5.3 Supervision						████████████████████							
6. Pre-qualification Tendering													
6.1 Pre-qualification Tendering (45 days)													
6.2 Evaluation of Application (30 days)						██							
6.3 Approval of Evaluation of Application by Government (15 days)						██							
6.4 Approval of Evaluation Report by Government (15 days)						██							
6.5 Concurrence of Evaluation Report by JBIC (15 days)						██							
7. International Competitive Bidding													
7.1 Bidding (90 days)													
7.2 Evaluation of Bids (30 days)													
7.3 Approval of Bid Evaluation Report by Government (15 days)													
7.4 Concurrence of Bid Evaluation Report by JBIC (15 days)													
7.5 Contract Negotiation with Successful Bidders (15 days)													
7.6 Contract Approval by Government (15 days)													
7.7 Concurrence of Contract by JBIC (15 days)													
8. Land Acquisition and Resettlement		████████████████████											
9. Dinh Binh Reservoir Project (Concrete Dam)													
10. Relocation Road				██████████									



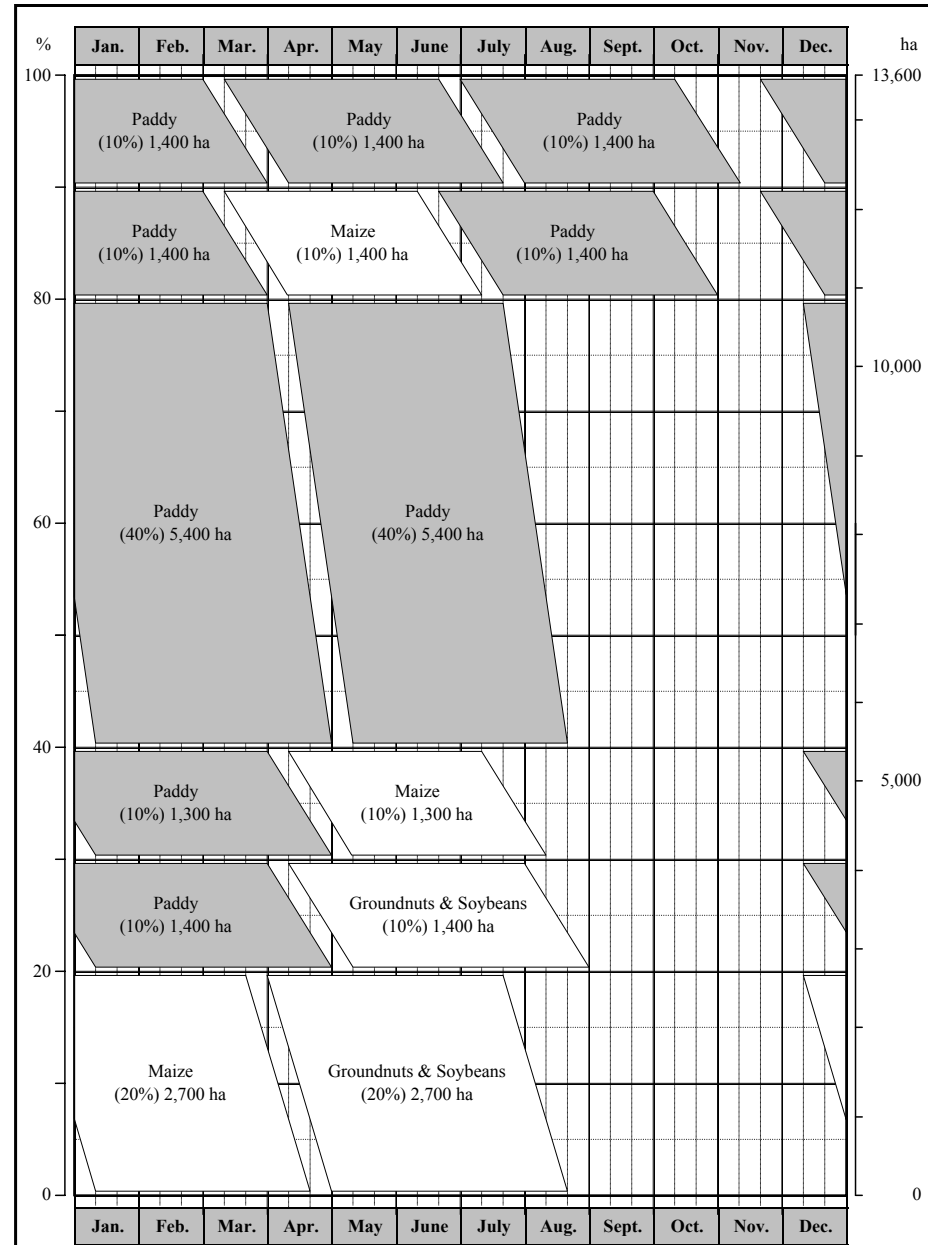
Hình 13.1 Cơ cấu cây trồng trong khu vực dự án của NCKT (1/8) (Higher Position)



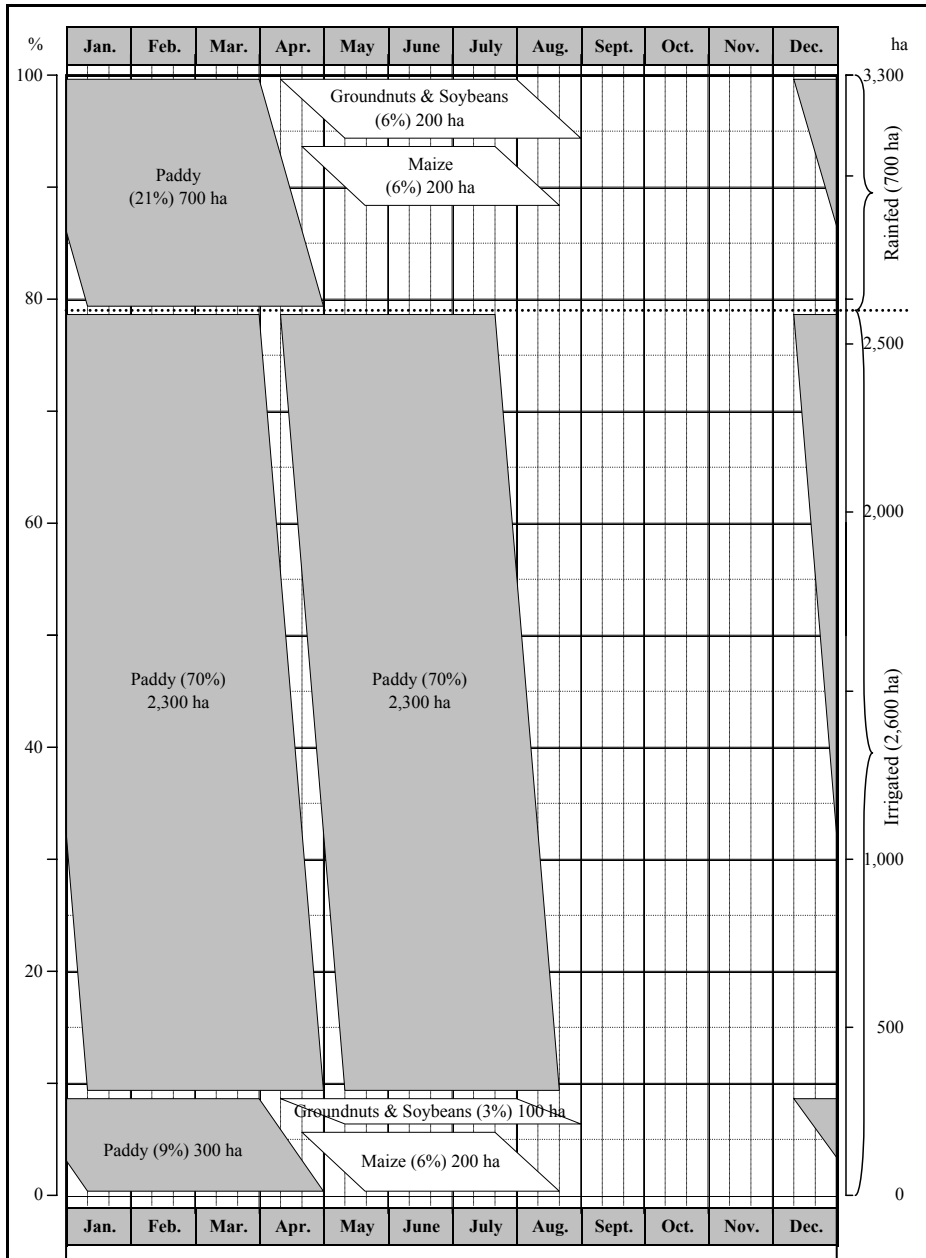
Hình 13.1 Cơ cấu cây trồng trong khu vực dự án của NCKT (2/8) (Higher Position)



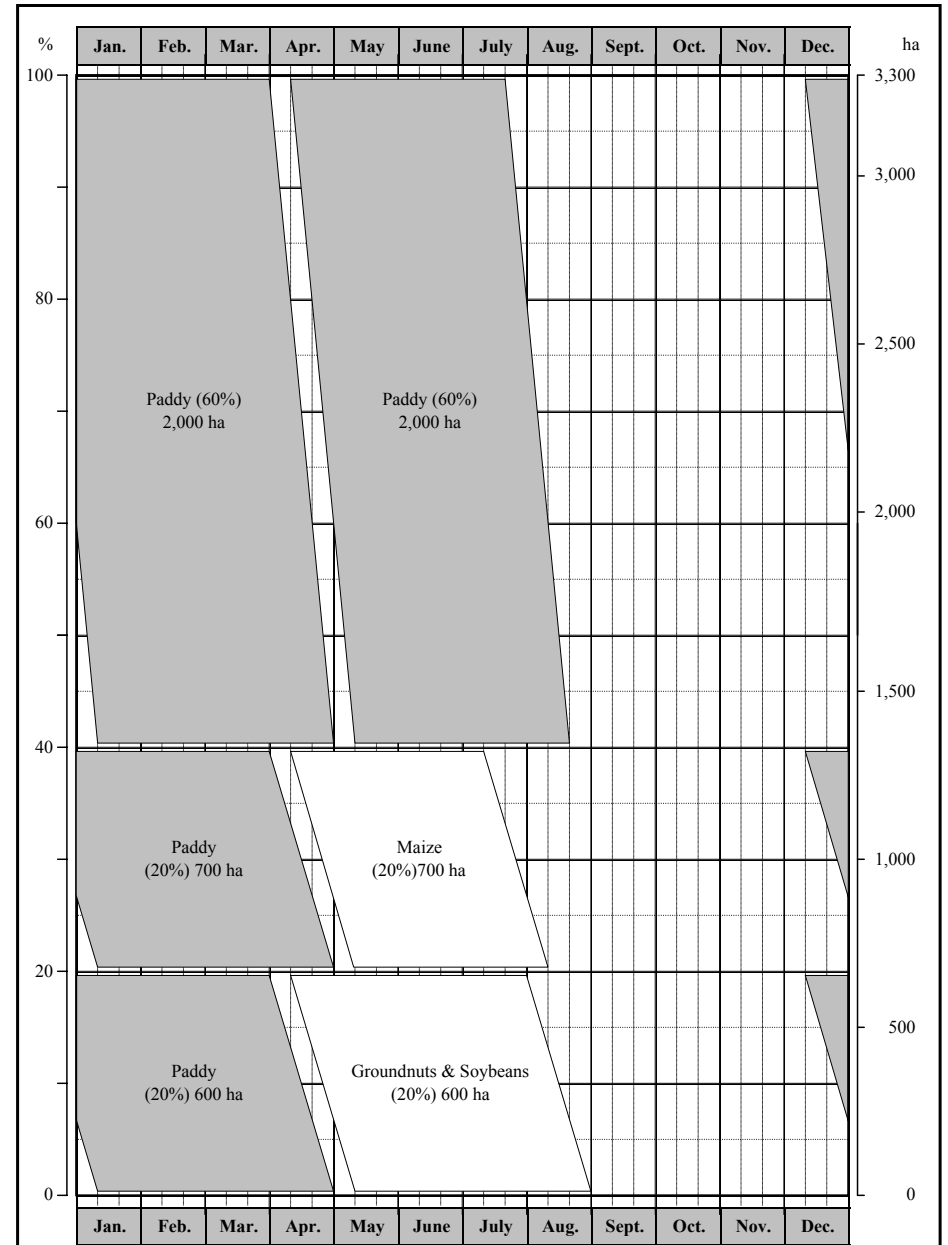
Hình 13.1 Cơ cấu cây trồng trong khu vực dự án của NCKT (3/8) (Higher Position)



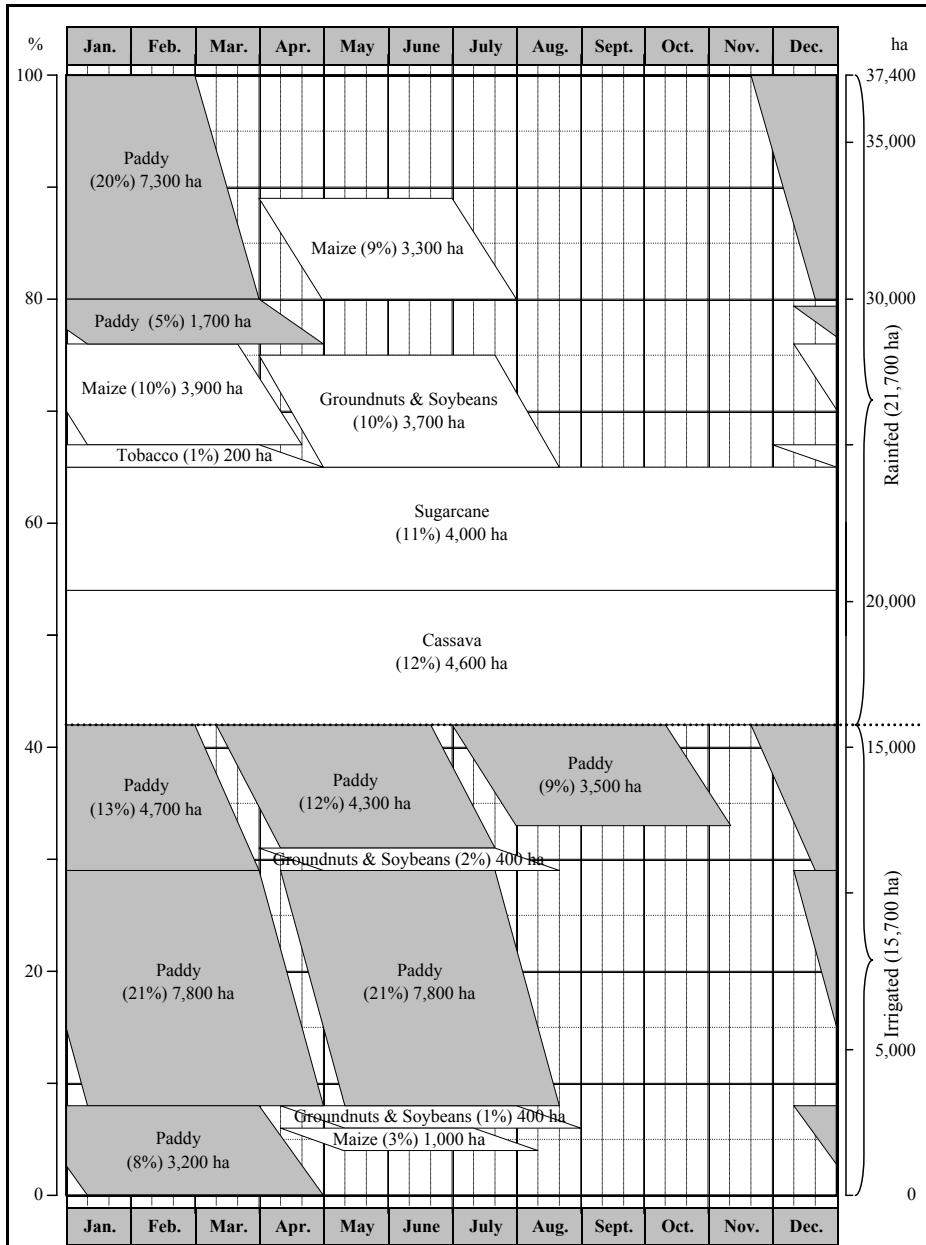
Hình 13.1 Cơ cấu cây trồng trong khu vực dự án của NCKT (4/8) (Higher Position)



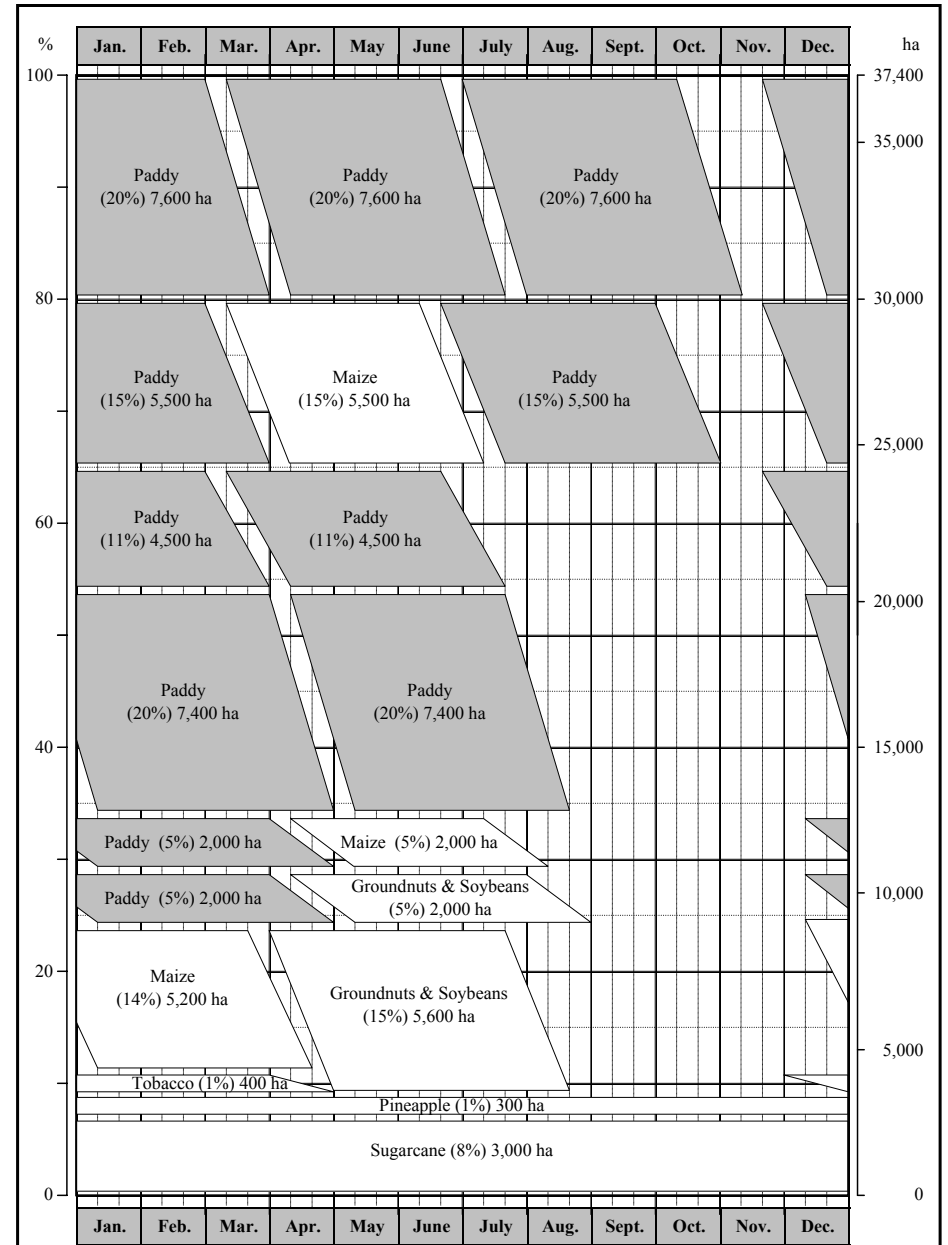
Hình 13.1 Cơ cấu cây trồng trong khu vực dự án của NCKT (5/8) (Higher Position)



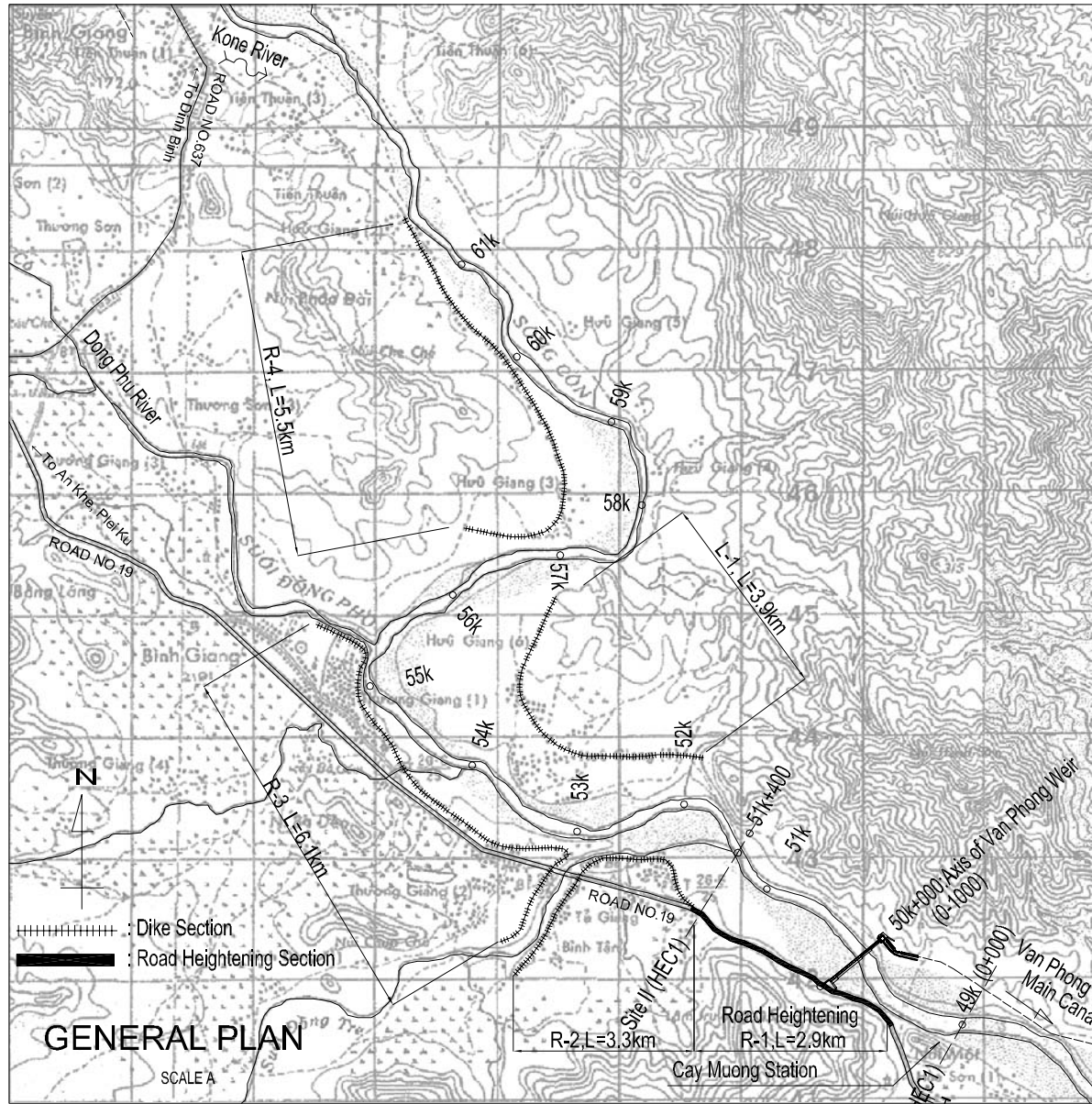
Hình 13.1 Cơ cấu cây trồng trong khu vực dự án của NCKT (6/8) (Higher Position)



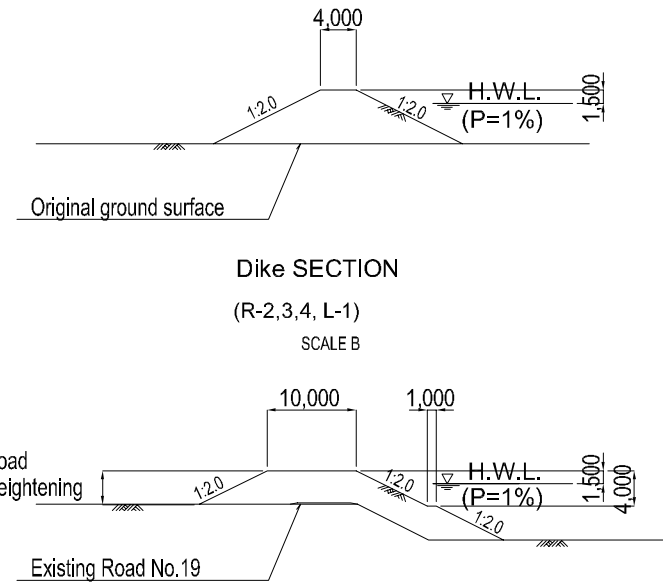
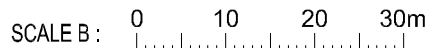
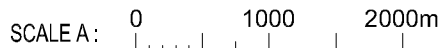
Hình 13.1 Cơ cấu cây trồng trong khu vực dự án của NCKT (7/8) (Overall)



Hình 13.1 Cơ cấu cây trồng trong khu vực dự án của NCKT (8/8) (Overall)

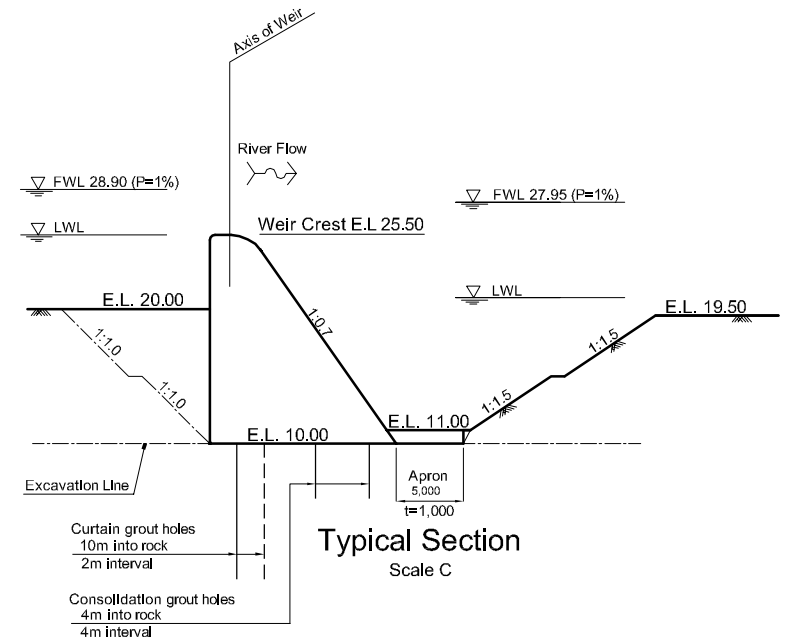
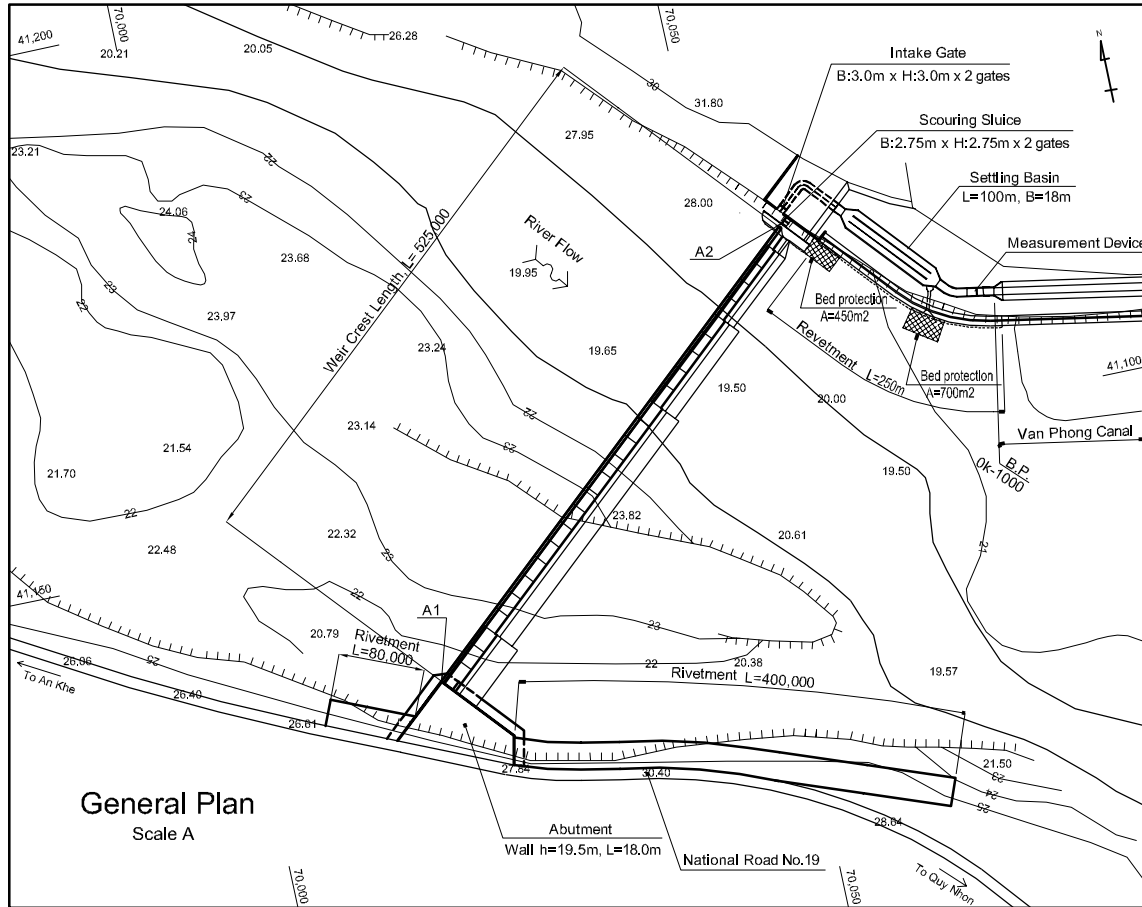


50k+000 in the above is measured distance from the sea.

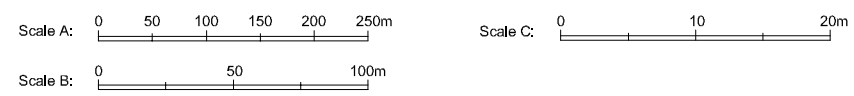
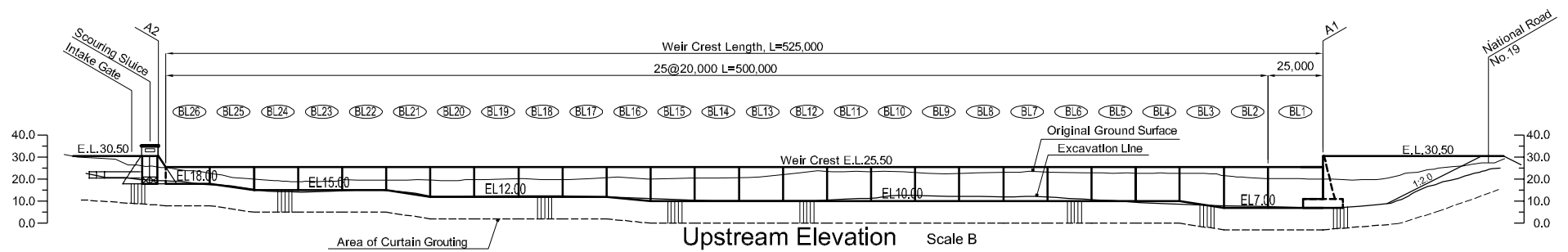


TYPICAL SECTION

Section	from to	Length (m)	Dike Crest (ELm)	H.W.L (ELm)	Remarks
R-1	49k+700 to 51k+400	2,900	30.50 to 31.50	29.50 to 30.00	Road Heightening
R-2	51k+400 to 52k+900	3,300	31.50 to 31.92	30.00 to 30.40	
R-3	53k+000 to 55k+400	6,100	31.96 to 32.85	30.46 to 31.35	
R-4	56k+500 to 61k+500	5,500	33.41 to 35.19	31.91 to 33.69	
L-1	52k+000 to 57k+000	3,900	31.71 to 33.51	30.21 to 32.01	



No.	X	Y
A1	41,134.93	70,017.38
A2	41,169.96	70,056.96



The Study on Nationwide Water Resources
Development and Management
in the Socialist Republic of Vietnam
JAPAN INTERNATIONAL COOPERATION AGENCY

Hình 13.3 Giải đồ bình đồ đập dâng Văn phong